TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46 /2019/DS-PT
Ngày: 31– 10 – 2019
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thắng

Các thẩm phán: Ông Bùi Đức Thanh và ông Nguyễn Hồng Ánh

-Thư ký phiên toà: Ông Bùi Mạnh Trung- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2019 và ngày 31/10/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/TLPT-DS ngày 14 tháng 8 năm 2019,về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 13/6/2019 của Toà án nhân dân thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:71/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019;Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2019/QĐ-PT ngày 07/10/2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên- Công ty TNHH MTV Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn T**- Phó Giám đốc chi nhánh M, Tây Quảng Ninh; Có mặt.

2. Bị đơn:

- Bà **Lê Thị M1**, Địa chỉ: Thôn Y, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

- Bà **Nguyễn Thị M2**; Địa chỉ: Thôn Y, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh. (Có mặt ngày 21/10/2019, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 31/10/2019).

- Anh **Lê Đình N**; Địa chỉ: Tổ 2, khu 6, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

- Chị **Lê Thị M3**; Địa chỉ: Tổ 2, khu 6, phường V, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông **Nguyễn Văn H**; Địa chỉ: Tổ 5, khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Hà: **Bà Trần Thị Kim C, công ty luật B**, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Ninh, là trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh;Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Vũ Duy C1;** Địa chỉ: Số 18/36/46, đường L, tổ 7, phường Hàng, quận L, thành phố Hải Phòng;Vắng mặt.

- Bà **Ngô Thị Q;** Sinh năm; 1958; Địa chỉ: Tổ 5, khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

- Anh **Nguyễn Tiến M4,** sinh năm 1982 và bà Hà Thị M5, sinh năm 1932; Cùng địa chỉ: Tổ 5, khu 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1952; Địa chỉ: Số nhà 55, tổ 74, khu 6B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của anh Mạnh và bà Mùi: Bà **Khương Thị S**, Trung tâm trợ giúp pháp lý, Sở tư pháp tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị M2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày có nội dung:

Công ty cổ phần Đ (Sau đây gọi tắt là Công ty), địa chỉ: Thôn Y, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh vay vốn tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh M Quảng Ninh hiện nay là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V - Chi nhánh M Tây Quảng Ninh (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) theo các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

- Đối với hợp đồng tín dụng số 01/2010 ngày 09 tháng 03 năm 2010.

+ Số tiền vay theo hợp đồng đã ký: 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng).

+ Mục đích vay vốn: Mua máy nghiền sản xuất đá, phương tiện vận chuyển.

+ Thời hạn cho vay: 60 tháng.

+ Thời hạn trả lãi 3 tháng/01 lần, thời hạn trả gốc 06 tháng/01 lần.

+ Lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là: 1,208%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo thời điểm quy định.

+ Số gốc đã trả: 1.725.500.000đ (Một tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

+ Số dư nợ gốc hiện còn chưa thanh toán: 274.500.000đ (Hai trăm bảy mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng).

+ Số lãi phát sinh đến nay chưa thanh toán là 554.726.976đ (Năm trăm năm mươi tư triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng).

- Đối với hợp đồng tín dụng số 01/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011.

+ Số tiền vay theo hợp đồng đã ký: 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng).

+ Mục đích vay vốn: Sản xuất, khai thác đá xây dựng.

+ Thời hạn hiệu lực của hợp đồng: 12 tháng.

+ Thời hạn cho vay: 6 tháng.

+ Thời hạn trả lãi 3 tháng/01 lần, thời hạn trả gốc theo giấy nhận nợ.

+ Lãi suất tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng là: 17,5% năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất vay đã thỏa thuận theo quy định của Ngân hàng No&PTNT Việt N.

+ Số dư nợ gốc hiện còn chưa thanh toán: 1.151.300.000đ (Một tỷ một trăm năm mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng).

+ Số lãi phát sinh đến nay chưa thanh toán là: 2.592.164.482đ (Hai tỷ năm trăm chín mươi hai triệu một trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Tính đến ngày 07 tháng 06 năm 2019 tổng số tiền gốc và lãi Công ty cổ phần Đ còn phải trả cho Ngân hàng theo các hợp đồng tín dụng trên là 4.572.691.458đồng (Trong đó, số tiền gốc là 1.425.800.000đồng, số tiền lãi tạm tính là 3.146.891.458đồng).

Toàn bộ số nợ của các khoản vay trên của Công ty cổ phần Đ đã quá hạn từ 24/09/2011. Hiện nay Công ty không còn hoạt động kinh doanh và đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Theo quyết định số: 70/KHĐT/ĐKKD của Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh ngày 18/01/2013) do đó không có khả năng trả nợ, Giám đốc Công ty là ông Vũ Duy C1 không còn cư trú tại địa phương (Theo xác nhận của Công an phường H, quận L, thành phố Hải Phòng ngày 21/03/2017 và Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú của Ngân hàng).

Như vậy Công ty đã vi phạm tất cả các cam kết tại các hợp đồng tín dụng số 01/2010 ngày 09 tháng 03 năm 2010; Hợp đồng tín dụng số 01/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011.

Tài sản thế chấp cho các khoản vay trên:

- Các tài sản hiện còn thế chấp bảo đảm cho dự nợ của các khoản vay trên:

+ Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 95,2m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO - 051443 UBND thành phố Hạ Long cấp ngày 10 tháng 11 năm 2008; Số vào sổ cấp giấy số H37260 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Q; tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng 2 tầng, công trình phụ để thế chấp cho Công ty cổ phần Đ vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 05/2009 ngày 12 tháng 01 năm 2009; Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 số 01/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011. Giá trị tài sản được các bên thông nhất định giá khi cho vay là 2.000.000.000 đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 1.500.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có.

+ Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 55,8m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE – 802300 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Triều (Nay là thị xã

Đông Triều) cấp ngày 19 tháng 05 năm 2006; Số vào sổ cấp giấy số H01497 mang tên ông Lê Viết Tr bà Nguyễn Thị Ng và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4, công trình phụ để thế chấp cho Công ty cổ phần Đ vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 01/2009 ngày 29 tháng 12 năm 2008; Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 số 04/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011. Giá trị tài sản được các bên thông nhất định giá khi cho vay là 300.000.000đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 225.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có.

- Các tài sản đã giải chấp:

+ Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 679m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y994111 do Uỷ ban nhân dân huyện Đông Triều (Nay là thị xã Đông Triều) cấp ngày 31 tháng 12 năm 2003; Số vào sổ cấp giấy số 1152 mang tên Nguyễn Văn Th và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng, công trình phụ để thế chấp cho Công ty cổ phần Đ vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 03/2010 ngày 01 tháng 03 năm 2010; Giá trị tài sản được các bên thông nhất định giá khi cho vay là 150.000.000đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 100.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có. Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 228m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y688011 do UBND huyện Đông Triều (Nay là thị xã Đông Triều) cấp ngày 31 tháng 12 năm 2003; Số vào sổ cấp giấy số 1286 mang tên Nguyễn Thị An và tài sản gắn liền với đất là nhà hai tầng, công trình phụ để thế chấp cho Công ty cổ phần Đvay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 01/2010 ngày 01 tháng 03 năm 2010; Giá trị tài sản được các bên thông nhất định giá khi cho vay là 600.000.000đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 450.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có. Ngày 24 tháng 09 năm 2012 ông Nguyễn Văn Th đã có đơn đề nghị thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần Đ với số tiền là 556.547.404đồng (Trong đó trả gốc là 550.000.000đồng và lãi là 6.547.404đồng) và đã được Ngân hàng giải chấp tài sản.

+ Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 244m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG025116 do UBND huyện Đông Triều (Nay là thị xã Đông Triều) cấp ngày 23 tháng 08 năm 2006; Số vào sổ cấp giấy số HO1511 mang tên ông Nguyễn Ngọc Tr bà Nguyễn Thị M2 và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng, công trình phụ để thế chấp cho Công ty cổ phần Đ vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 02/2008 ngày 29 tháng 12 năm 2008; Giá trị tài sản được các bên thông nhất định giá khi cho vay là 1.000.000.000đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 750.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có. Ngày 25 tháng 07 năm 2013 Ngân hàng đã phát mại tài sản để thu hồi nợ số tiền 801.500.000đồng

+ Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 49,2m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE802081 do UBND huyện Đông Triều (Nay là thị xã Đông Triều) cấp ngày 23 tháng 08 năm 2006; Số vào sổ cấp giấy số HO1498 mang tên bà Lê Thị M1 và tài sản gắn liền với đất là nhà hai tầng, công trình phụ để thế chấp cho

Công ty cổ phần Đ vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 03/2008 ngày 29 tháng 12 năm 2008; Giá trị tài sản được các bên thống nhất định giá khi cho vay là 500.000.000đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 375.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có. Ngày 02 tháng 11 năm 2012 Ngân hàng đã phát mại tài sản để thu hồi nợ số tiền 400.500.000đồng.

+ Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 116,3m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN471602 do UBND huyện Đông Triều (Nay là thị xã Đông Triều) cấp ngày 19 tháng 01 năm 2010; Số vào sổ cấp giấy số HO1863 mang tên bà Lê Thị M1 và tài sản gắn liền với đất là nhà hai tầng, công trình phụ để thế chấp cho Công ty cổ phần Đvay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 01/2010 ngày 01 tháng 03 năm 2010; Giá trị tài sản được các bên thông nhất định giá khi cho vay là 400.000.000đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 300.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có. Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 111,7m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA960465 do UBND huyện Đông Triều (Nay là thị xã Đông Triều) cấp ngày 07 tháng 06 năm 2010; Số vào sổ cấp giấy số CH01907 mang tên ông Vũ Duy Ch bà Lê Thị M1 và tài sản gắn liền với đất là nhà hai tầng, công trình phụ để thế chấp cho Công ty cổ phần Đ vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 05/2010 ngày 24 tháng 06 năm 2010; Giá trị tài sản được các bên thông nhất định giá khi cho vay là 360.000.000đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 187.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có. Ngày 12 tháng 06 năm 2012 Ngân hàng đã phát mại tài sản để thu hồi nợ số tiền 647.200.000đồng.

+ Giá trị quyền sử dụng đất diện tích 43,9m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U-308519 Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí cấp ngày 20 tháng 12 năm 2001; Số vào sổ cấp giấy số 548QSDĐ mang tên bà Phùng Thị A và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng 2 tầng, công trình phụ để thế chấp cho Công ty cổ phần Đ vay vốn tại Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 04/2009 ngày 12 tháng 01 năm 2009; Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 số 02/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011. Giá trị tài sản được các bên thống nhất định giá khi cho vay là 900.000.000đồng và phạm vi bảo đảm cho các khoản vay của là 675.000.000đồng gốc và các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh nếu có. Ngày 14 tháng 05 năm 20128 bà Phùng Thị A đã có đơn đề nghị xin được nộp số gốc tương ứng với nghĩa vụ của tài sản là 425.000.000đ và xin được miễn toàn bộ số lãi phát sinh tương ứng và đã được Ngân hàng trình Ngân hàng cấp trên đồng ý phê duyệt.

Do từ ngày 24 tháng 9 năm 2011 Công ty đã vi phạm không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi theo cam kết tại các hợp đồng tín dụng đã ký. Đồng thời Công ty cũng đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Theo quyết định số 70/KHĐT/ĐKKD của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh ngày 18/01/2013) do đó hiện nay Công ty không còn tư cách pháp nhân.

Ngoài ra trong thời gian tòa án thụ lý giải quyết bà Phùng Thị A đã tự

nguyện trả nợ thay phần nghĩa vụ trả nợ tương ứng với nghĩa vụ bảo đảm của tài sản; gia đình bà Nguyễn Thị Ng cũng có đề nghị được trả nợ thay và cam kết trả dần (đến nay đã trả được 50 triệu). Do đó Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V tách nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tương ứng của hai tài sản để xử lý riêng lẻ.

Vì vậy, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giải quyết đối với các yêu cầu sau:

1. Buộc bà Lê Thị M1; bà Nguyễn Thị M2; anh Lê Đình N và chị Lê Thị M3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền là 2.407.559.193đ (Hai tỷ bốn trăm linh bảy triệu năm trăm năm mươi chín nghìn một trăm chín mươi ba đồng), trong đó:

- Tiền gốc là: 976.300.000đồng

(Bà Lê Thị M1 là 937.833.780 đồng tương ứng với 96,06% cổ phần vốn góp; Bà Nguyễn Thị M2 là 21.966.750 đồng tương ứng với 2,25% cổ phần vốn góp; anh Lê Đình N và chị Lê Thị M3 là 16.499.470 đồng tương ứng với 1,69% cổ phần vốn góp).

- Tiền lãi là: 1.431.259.193 đồng

(Bà Lê Thị M1 là 1.374.897.726 đồng tương ứng với 96,06% cổ phần vốn góp; Bà Nguyễn Thị M2 là 32.206.552 đồng tương ứng với 2,25% cổ phần vốn góp; anh Lê Đình N và chị Lê Thị M3 là 24.154.914đồng tương ứng với 1,69% cổ phần vốn góp).

Đây là một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011 tương ứng với nghĩa vụ bảo đảm của tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Q đối với các khoản vay của Công ty cổ phần Đ tại Ngân hàng.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 05/2009 ngày 12 tháng 01 năm 2009; Hợp đồng bổ sung Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 số 01/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011 đã ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn H, bà Q và Công ty cổ phần Đ để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đối với phạm vi số tiền là 2.407.559.193đồng (Trong đó; số tiền gốc là 976.300.000đồng và số tiền lãi là 1.431.259.193đồng). Trường hợp ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Q không trả được nợ, đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giải quyết sớm có bản án, quyết định để cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký, thanh toán toàn bộ số nợ gốc và số tiền lãi chậm trả phát sinh tiếp theo trong thời gian sớm nhất cho Ngân hàng.

2. Rút yêu cầu khởi kiện phần nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2010 ngày 09 tháng 03 năm 2010, với tổng số tiền là 802.226.976đ (Tám trăm linh hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi sáu đồng). Trong đó tiền gốc là: 274.500.000đ (Hai trăm bảy mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng), tiền lãi phát sinh đến nay chưa thanh toán là: 554.726.976đ (Năm trăm năm mươi tư

triệu bẩy trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bẩy mươi sáu đồng).

Tại bản tự khai ngày 15/8/2018, bị đơn bà Nguyễn Thị M2 trình bày có nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt N chi nhánh M khởi kiện: Buộc bà Lê Thị M1, bà Nguyễn Thị M2, ông Lê Đình N, bà Lê Thị M3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền 2.992.048.236 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 1.492.04 8.236 đồng, tôi có quan điểm như sau: Tôi và Lê Thị M1 có mối quan hệ và lợi dụng sự quen biết của tôi chị Lê Thị M1 có ý đồ lừa đảo tôi và đã lợi dụng lòng tin của tôi mượn bìa đất của tôi đứng tên tôi là Nguyễn Thị M2 và chồng tôi là Nguyễn Ngọc Tr để thế chấp vay tiền tại ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn chi nhánh M, vay số tiền là 1.500.000.000đ. Khi vay tiền tại ngân hàng, vợ chồng tôi không nhận một khoản tiền nào từ số tiền trên chúng tôi chỉ cho mượn bìa đất để thế chấp và ký hồ sơ vay vốn ngân hàng còn khi giải ngân chúng tôi không biết và không được nhận tiền giải ngân tại ngân hàng, chỉ đến khi ngân hàng thông báo nợ cho chúng tôi và chúng tôi đã phải trả số tiền cho ngân hàng là 800.000.000đ vào năm 2013, sau đó ngân hàng đã trả lại bìa đất cho chúng tôi. Đối với nội dung Ngân hàng đưa tôi tham gia vụ án với tư cách là bị đơn là người đại diện của công ty Đ tôi có quan điểm; Tôi không tham gia điều hành Công ty và tôi không được hưởng bất cứ một quyền lợi nào của Công ty Đ. Do vậy nếu có chữ ký của tôi trong việc thành lập quản lý điều hành công ty chỉ là giả mạo, tôi đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết tại Tòa án chị Lê Thị M3 trình bày có nội dung:

Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án với yêu cầu:

1. Buộc bà Lê Thị M1, bà Nguyễn Thị M2, ông Lê Đình N, bà Lê Thị M3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền 2.992.048.236 đồng, trong đó tiền gốc là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi là 1.492.04 8.236 đồng;

2. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ 3 số 05/2009 ngày 12 tháng 01 năm 2009 đã ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Q và công ty cổ phần Đ để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng với phạm vi số tiền là 2.986.005.291 đồng, trường hợp ông bà Nguyễn Văn H; bà Ngô Thị Q không trả được nợ đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp đã ký để thanh toán số tiền trong phạm vi bảo đảm trên trong thời gian sớm nhất cho Ngân hàng. Tôi có quan điểm như sau: Mẹ tôi là bà Lê Thị H1, bà H1 đã mất năm 2016 còn bố tôi là Lê Đình H2 đã chết năm 2005 ông bà ngoại tôi là Nguyễn Thị V đã mất năm 2007 và Lê Viết Ch đã mất năm 2012, bố mẹ tôi chỉ có hai người con là tôi và anh Lê Đình N tại thời điểm bố tôi còn sống mẹ tôi chưa tham gia Công ty cổ phần Đ, sau khi bố tôi mất mẹ tôi mới tham gia công ty Đ, trước khi mẹ tôi mất có để lại di chúc toàn bộ tài sản đứng tên mẹ tôi cho riêng tôi. Nay tôi đề nghị Tòa án cho tôi xem xét lại toàn bộ hồ sơ để có phương án trả nợ. Ngày 03/5/2019 có đơn yêu cầu tuyên

bố vô hiệu các Hợp đồng tín dụng số 01/2010 ngày 09/3/2010 và Hợp đồng tín dụng số 01/2011 ngày 19/01/2011.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Văn H trình bày có nội dung:

Tôi (Nguyễn Văn H) và bà Ngô Thị Q đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số 05/2009 ngày 12 tháng 01 năm 2009 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh ngày 12/01/2009, sau đó lại ký Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011 là tự nguyện, nhưng không biết việc hậu quả nếu Công ty Đ không trả được nợ thì phải trả nợ thay. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 95,2m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO- 051443 do Ủy ban nhân dân thành phố Hạ Long cấp ngày 10 tháng 11 năm 2008 người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Q và tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng 2 tầng công trình phụ. Nay tôi thấy việc ký các hợp đồng thế chấp đó là không đúng quy định của pháp luật, cho nên tôi yêu cầu tuyên bố Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011 ngày 19 tháng 01 năm 2011 và Hợp đồng thế chấp bằng tài sản bên thứ 3 số 05/2009 Ngày 12 tháng 01 năm 2009 của Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt N chi nhánh M Quảng Ninh là vô hiệu. Vì chủ thể ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất không có toàn quyền định đoạt đối với khối tài sản là ngôi nhà hai tầng còn có tiền hỗ trợ của các cơ quan cho bà Hà Thị M5 và anh Nguyễn Tiến Mạnh.

Ngày 21/12/2018, ông Hđã có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với phần lãi xuất trên tiền gốc vay của của Ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Quyết, người đại diện của bà Hà Thị M5 và anh Nguyễn Tiến M4 là ông Nguyễn Văn H trình bày có nội dung: Có quan điểm thống nhất với nội dung trình bày của ông Hà, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa bà Trần Thị Kim C - Luật sư của Công ty luật B thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ninh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H có quan điểm:

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện: Nguyên đơn chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần Đ phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền là 2.407.559.103 đồng đối với Hợp đồng tín dụng số 01/2011 liên quan đến Hợp đồng thế chấp bằng tài sản bên thứ 3 số 05/2009 và Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011 ngày 19/01/2011. Trên các hợp đồng này phần Bên Thế chấp ghi rõ: Ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Q, ngoài ra không có chủ thể nào khác. Tuy nhiên, năm 2008, hộ gia đình ông Nguyễn Văn H được Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh Quảng Ninh, Hội chữ thập đỏ tỉnh Quảng Ninh, Hội chữ thập đỏ thành phố Hạ Long, Hội chữ thập đỏ phường Hà Lầm hỗ trợ một phần kinh phí xây dựng nhà. Thể hiện tại các văn bản: Giấy xác nhận ngày 17/12/2018 của Phòng Lao động thương binh xã hội thành phố Hạ

Long; xác nhận số 19/CTĐ xác nhận hỗ trợ kinh phí xây nhà nhân đạo cho hộ chính sách ngày 14/12/2018; Giấy xác nhận ngày 18/12/2018 của Hội chữ thập đỏ tỉnh Quảng Ninh; Văn bản số 146/CV-CTĐ ngày 13/12/2018 V/v xác nhận hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà nhân đạo của Hội chữ thập đỏ thành phố Hạ Long và Biên bản nghiệm thu nhà cho hộ Nạn nhân chất độc da cam được cung cấp tại phiên tòa.

Như vậy, tài sản là ngôi nhà trên đất thuộc sở hữu chung của cả hộ gia đình ông H gồm: Ông H, bà Q, bà M, anh M. Tuy nhiên khi ký hợp đồng thế chấp, chỉ có ông H, bà Q là không đảm bảo về mặt chủ thể, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của những đồng sở hữu khác đối với tài sản là ngôi nhà. Vi phạm quy định tại điều 169, 198, 214, 223 Bộ luật Dân sự năm 2005 về quyền sở hữu tài sản.

Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số 01/2011 ngày 19/01/2011. Xét về mặt chủ thể ký hợp đồng cũng tương tự hợp đồng số 05/2009, không đảm bảo về mặt chủ thể vì ông H, bà Q không phải là chủ sử dụng ngôi nhà trên đất. Ông H bà Q chỉ có quyền sử dụng 1 phần ngôi nhà, phần còn lại thuộc về những người khác cùng sinh sống trong hộ gia đình với ông H gồm bà M5 mẹ ông H, anh M4, con ông H. Xét về hình thức: Hợp đồng thế chấp bổ sung này không được công chứng theo Điều 689 Bộ luật Dân sự năm 2005 (có hiệu lực tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp) quy định về Hình thức chuyển quyền sử dụng đất như sau: "*Hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất phải được lập thành văn bản, có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật".* Tại phiên tòa, phía nguyên đơn thừa nhận hình thức của Hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2011 không đảm bảo đúng quy định.

Trong Nội dung hợp đồng thế chấp số 05/2009 quy định tài sản của ông H, bà Q được đảm bảo cho các Hợp đồng tiếp theo ký giữa Ngân hàng với Công ty Cổ phần Đ. Trong Hợp đồng bổ sung HĐTC số 01/2011 thể hiện rõ tài sản ông H, bà Q đảm bảo cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 01/2011. Tuy nhiên hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2011 bị vô hiệu về hình thức và vi phạm điều cấm nên ông H, bà Q không có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ đối với khoản vay của Công ty Cổ phần Đ tại Hợp đồng tín dụng số 01/2011.

Về thời hiệu khởi kiện đòi nợ đối với phần lãi suất của hợp đồng tín dụng số 01/2011: Theo hồ sơ khởi kiện do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày cuối cùng công ty Cổ phần Đ thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng là ngày 25/6/2011. Thể hiện tại Bảng kê tính lãi và các văn bản thông báo xử lý tài sản đảm bảo, thông báo chuyển nợ quá hạn do Ngân hàng cung cấp. Ngày 25/6/2011 cũng là ngày Ngân hàng bắt đầu tính nợ lãi quá hạn đối với Công ty Cổ Phần Đ. Như vậy Công ty Cổ phần Đ đã vi phạm nghĩa vụ với Ngân hàng nông nghiệp từ ngày 25/6/2011 và Ngân hàng biết điều này. Nhưng Ngân hàng không thực hiện quyền khởi kiện của mình, mà đến ngày 10/11/2017 Ngân hàng mới thực hiện quyền khởi kiện của mình. Theo quy định điều 149, 150, 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Việc Ngân hàng kéo dài thời gian khởi kiện dẫn đến việc tính lãi kéo dài trong thời gian hơn 6 năm, quyền lợi của ông H và những người khác bị xâm phạm. Cho nên, ngày

21/12/2018 ông H đã có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với phần lãi suất của Ngân hàng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 149, 150, 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng thời hiệu đối với phần lãi suất ngân hàng tính đối với các đương sự.

Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 128, điều 134 Bộ luật Dân sự năm 2005 tuyên:

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn H. Tuyên hợp đồng thế chấp số 05/2009 và hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2011 là vô hiệu do không đảm bảo về hình thức và vi phạm điều cấm.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 05/2009 hoặc phát mại tài sản nếu ông Hà, bà Quyết không trả được nợ.

Căn cứ điều 149, 150, 429 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị áp dụng thời hiệu đối với phần lãi suất. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần Đ và ông Nguyễn Văn H, bà Ngô Thị Q thực hiện trách nhiệm trả số tiền lãi: 1.431.259.193 đồng trả cho nguyên đơn.

***Tại phiên tòa sơ thẩm bà Khương Thị S vắng mặt, nhưng gửi Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Hà Thị M5 và anh Nguyễn Tiến M4, có nội dung**:*

Tài sản là ngôi nhà được xây dựng năm 2008 thuộc sở hữu chung của hộ gia đình ông H gồm ông H , bà Q, bà M5 và anh M4. Nên việc ông H và bà Q ký hợp đồng thế chấp mà không được sự đồng ý của bà M5 và anh M4 là không đảm bảo về mặt chủ thể, hơn nữa hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2011 không được công chứng theo quy định. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp số 05/2009 hoặc phát mại tài sản nếu ông H, bà Q không trả được nợ.

Với nội dung trên tại Bản án số: 08/2019/DS-STngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, xử:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 342, 343, 344, 347, 355, 715,716 và 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91 và 92 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 61 Luật Đất đai năm 2003; khoản 6 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2005; các Điều 149, 150, 429, 614, 615, khoản 1 Điều 651, khoản 2 Điều 357 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 35, Điều 74, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4, 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng số: 01/2011 ngày 19/01/2011.

Buộc các bị đơn Lê Thị M1; bà Nguyễn Thị M2; anh Lê Đình N và chị Lê Thị M3 thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc là: 976.300.000đ (Chín trăm bảy sáu triệu ba trăm nghìn đồng). Theo tỷ lệ bà Lê Thị M1 phải trả là 937.833.780đ (Chín trăm ba bảy triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng) tương ứng với 96,06% cổ phần vốn góp; Bà Nguyễn Thị M2 phải trả là 21.966.750 đ (Hai mốt triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn bảy trăn năm mươi đồng) tương ứng với 2,25% cổ phần vốn góp; anh Lê Đình Nvà chị Lê Thị M3 phải trả là 16.499.470đ (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm bảy mươi đồng) tương ứng với 1,69% cổ phần vốn góp.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu trả số tiền lãi của Hợp đồng tín dụng số: 01/2011 ngày 19/1/2011 là: 1.431.259.193đ (Một tỷ bốn trăm ba mốt triệu hai trăm năm chín nghìn một trăm chín ba đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn H về việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số: 05/2009 ngày 12/01/2009 và Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 01/2011 ngày 19/01/2011 vô hiệu.

4. Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số: 05/2009 ngày 12/01/2009 và Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 01/2011 ngày 19/01/2011. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất diện tích 95,2m2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO- 051443 do Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long cấp ngày 10/11/2008, người sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H và bà Ngô Thị Q cùng các tài sản gắn liền với đất là nhà mái bằng 2 tầng và công trình phụ để đảm bảo thi hành án. Trường hợp các bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên; ông H- bà Q không tự nguyện thực hiện theo Hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số: 05/2009 ngày 12/01/2009 và Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 01/2011 ngày 19/01/2011, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện phần nghĩa vụ trả nợ đối với Hợp đồng tín dụng số: 01/2010 ngày 09/03/2010, với tổng số tiền là 802.226.976đ (Tám trăm linh hai triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm bẩy mươi sáu đồng). Ngân hàng có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí dân sự đối với các bên đương sự, báo quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định.

Ngày 27/6/2019, bà Nguyễn Thị M2 kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm buộc bà phải trả 21.966.750 đồng, tương ứng với 2,25% góp vốn với công ty cổ phần Đ.

Ngày 01/7/2019, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với nội dung mục 3, 4 Quyết định của bản án sơ thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Hà.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Nguyễn Thị M2 rút đơn kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do bản án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Để đảm bảo mọi bản án có hiệu lực đều được thi hành, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3, Điều 308, Điều 310 BLTTDS, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị M2, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H làm trong hạn nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị M2 rút đơn kháng cáo.

[2]. Yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H về việc: "Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số: 05/2009 ngày 12/01/2009 và Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 01/2011 ngày 19/01/2011 vô hiệu".

Hội đồng xét xử thấy: Ngày 24/9/2018, ông Nguyễn Văn H có yêu cầu độc lập về việc: Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản bên thứ ba số: 05/2009 ngày 12/01/2009 và Hợp đồng bổ sung hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba số: 01/2011 ngày 19/01/2011, vô hiệu.

Lý do: Hình thức của hợp đồng không được công chứng chứng thực và chủ thể hợp đồng thế chấp không được toàn quyền định đoạt tài sản do liên quan đến quyền lợi của bà M5 (mẹ liệt sỹ) mẹ ông H, anh M4 và ông H là nạn nhân của chất độc da cam được tài trợ xây nhà.

Yêu cầu độc lập của ông H được Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều thụ lý bổ sung số 43A/TB-TLVA ngày 05/10/2018.

Điều 202 Bộ luật Tố tụng Dân sự về: Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập, quy định:

"Thủ tục yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập được thực hiện theo quy định của Bộ luật này về thủ tục khởi kiện của nguyên đơn".

Căn cứ đơn yêu cầu độc lập của ông H thấy: Đơn chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đó là kiện ai, cấp sơ thẩm không yêu cầu ông H sửa đổi bổ sung đơn theo quy định mà đã thụ lý bổ sung chưa đảm bảo đúng quy định. Mặt khác, hợp đồng thế chấp số 05/2009 được công chứng tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh, nhưng không đưa Phòng công chứng số 1 tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng là thiếu sót, vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Mặc dù bản án không có kháng cáo, kháng nghị nhưng căn cứ hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐTD ngày 19/01/2011 thì bên vay là Công ty cổ phần Đ; người đại diện bà Lê Thị M1 - chức vụ Giám đốc.

***** Điểm a khoản 2 Điều 74 Bộ luật Tố tụng Dân sự: Kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng, quy định:

"a) Trường hợp tổ chức phải chấm dứt hoạt động, bị giải thể là công ty cổ phần, công ty trach nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh thì cá nhân, tổ chức là thành viên của tổ chức đó hoặc đại diện của họ tham gia tố tụng".

Theo công văn phúc đáp số 4339/KHĐT- ĐKKD, ngày 24 tháng 10 năm 2019 của Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh thì Công ty cổ phần Đ, mã số doanh nghiệp: 5700603595; đăng ký lần đầu ngày 01/8/2006, đăng ký thay đổi lần 2, ngày 24/5/2012; địa chỉ trụ sở chính: Thôn Y, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh..; tình trạng trên hệ thống đăng ký doanh nghiệp Quốc gia hiện nay: Phòng Đăng ký kinh doanh đã ra Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nhưng đến thời điểm hiện nay doanh nghiệp chưa nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp theo đúng quy định của Luật danh nghiệp.

***** Điều 157 Luật Doanh nghiệp năm 2005. Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp, quy định:

"*1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:*

.....

d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác".

Mặc dù, Công ty cổ phần Đ đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng việc vay nợ với Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V - chi nhánh M, Tây Quảng Ninh, chưa thanh toán công nợ nên Công ty vẫn tồn tại. Do vậy, nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng là nghĩa vụ của Công ty cổ phần Đvới Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V - chi nhánh M, Tây Quảng Ninh. Bản án sơ thẩm áp dụng khoản 6 Điều 158 Luật Doanh nghiệp năm 2005 tuyên buộc các thành viên công ty liên đới chịu trách nhiệm trả nợ Ngân hàng là không phù hợp, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự. Mặt khác, bản án tuyên tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp của ông H để đảm bảo thi hành án, trong khi ông H thế chấp đảm bảo khoản vay của Công ty nên bản án có hiệu lực không thể thi hành án được.

Do bản án có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng đưa thiếu người tham gia tố tụng, điều tra xác minh chưa đầy đủ, ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không thể khắc phục tại phiên tòa được, cần thiết phải hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giải quyết theo trình tự sơ thẩm. Do đó, chưa đủ căn cứ xem xét chấp nhận hay không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị M2 và ông Ngô Văn H.

[4]. Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

- Về tiền tạm ứng án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M2 là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mặc dù kháng cáo chưa được xem xét, nhưng trả lại bà M2 dự phí đã nộp.

Ông H được miễn nộp dự phí kháng cáo nên không đề cập.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 97, khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều.

Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều giải quyết theo trình tự sơ thẩm.

2 - Về tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

- Về tiền tạm ứng án phí sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí phúc thẩm: Trả lại bà Nguyễn Thị M2 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0004057 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Triều.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án nhân dân thị xã Đông Triều;
- Chi cục THA dân sự thị xã Đông Triều;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Văn Thắng